

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HUẾ

KHOA NGỮ VĂN



TÊN ĐỀ TÀI

**MỐI QUAN HỆ GIỮA TRUYỀN KỶ MẠN LỤC VÀ
VĂN HỌC DÂN GIAN (TRUYỆN KỂ DÂN GIAN)**



Giảng viên: Nguyễn Văn

Nhóm thực hiện:

1. Trần Thị Nhân.
2. Nguyễn Thị Minh Nguyệt.

Huế, ngày 28 tháng 12 năm 2022.

MỤC LỤC

A - Phần mở đầu	1
1. Lí do chọn đề tài.....	1
2. Phương pháp nghiên cứu.....	1
B - Phần nội dung	2
I. Giới thiệu sơ lược về truyện truyền kỳ Việt Nam và truyện kể dân gian	2
1. Khái quát về thể loại truyện truyền kỳ.....	2
1.1 Khái niệm.....	2
1.2. Đặc trưng.....	2
1.2.1. Đặc trưng về nội dung.....	2
1.3. Nhan đề “Truyện kỳ mạn lục”.....	3
2. Khái quát về văn học dân gian.....	3
2.1. Khái niệm.....	3
2.2. Phân loại.....	3
II. Tương đồng mô hình cốt truyện dân gian và những sáng tạo trong “Truyện kỳ mạn lục”	4
1. Nội dung đề tài.....	4
1.1. Khai thác từ truyện cổ tích.....	4
1.2. Khai thác từ truyền thuyết.....	5
2. Nghệ thuật của “Truyện kỳ mạn lục” với sự ảnh hưởng của văn học dân gian.	6
2.1. Cốt truyện, kết cấu truyện.....	6
2.1.1. Cốt truyện là gì?.....	6
2.1.2. Kết cấu truyện.....	6
2.1.3. Điểm tương đồng giữa mô hình cốt truyện, kết cấu truyện truyền kỳ và truyện dân gian.....	6
2.2. Xây dựng nhân vật.....	7
2.3. Ngôn ngữ nhân vật trong “Truyện kỳ mạn lục”.....	8
2.3.1. Khái niệm.....	8

2.3.2. Phân loại.....	8
2.4. Các loại motif.....	10
2.4.1. Thuật ngữ.....	10
2.4.2. Sử dụng những motif dân gian.....	11
C - Phần tổng kết.....	13

A - Phần mở đầu

1. Lí do chọn đề tài

Xét toàn bộ tiến trình lịch sử văn chương cổ điển Việt Nam, truyện truyền kỳ là một thành tựu lớn, một dấu ấn về sự phát triển vượt bậc cả về tư tưởng, tư duy và nghệ thuật. Những câu chuyện có vẻ huyền hoặc khó tin đó thực chất là những tác phẩm kết tinh các giá trị văn hoá - lịch sử được hình thành qua hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước. Nó là kết quả từ quá trình giao lưu, tiếp xúc với các nền văn học trong khu vực, là kết quả từ quá trình tiếp nhận và sáng tạo các truyện kể dân gian và là cả một di sản văn hoá - văn học đặc sắc. Vì thế, truyện truyền kỳ mang đậm dấu ấn tâm thức văn hoá, tôn giáo, tín ngưỡng của cộng đồng dân tộc Việt.

“Truyện kỳ mạn lục” là tác phẩm tiêu biểu nhất cho thể loại truyện kỳ của văn học trung đại Việt Nam và được đánh giá là “thiên cổ kỳ bút”. Tác phẩm là sự sáng tác tiêu biểu cho thành tựu của loại hình văn học hình tượng viết bằng chữ Hán dưới ảnh hưởng của sáng tác văn học dân gian. (Theo Từ điển Văn học bộ mới)

Chính vì điều này, chúng tôi tiến hành đề tài này để tìm hiểu những điểm tương đồng xuất hiện ở “Truyện kỳ mạn lục” với văn học dân gian, nhìn nhận sự ảnh hưởng của văn học dân gian đối với “Truyện kỳ mạn lục” và từ đó rút ra mối quan hệ giữa tác phẩm và văn học dân gian (truyện kể dân gian).

2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp phân tích - tổng hợp: dựa trên những tư liệu về văn học dân gian và “Truyện kỳ mạn lục”, triển khai một hệ thống lí thuyết nghiên cứu hợp lí và tiến hành đi phân tích từng mục nội dung cụ thể.
- Phương pháp so sánh: tiến hành so sánh giữa văn học dân gian và “Truyện kỳ mạn lục” để tìm ra sự tương đồng ở cả hai.

B - Phần nội dung

I. Giới thiệu sơ lược về truyện truyền kỳ Việt Nam và truyện kể dân gian

1. Khái quát về thể loại truyện truyền kỳ

1.1 Khái niệm

Truyện truyền kỳ là một thể loại văn xuôi nghệ thuật độc đáo, kể về những chuyện kỳ lạ được truyền tụng; nhân vật chủ yếu là người, ma quỷ, chủ đề chính là tình yêu nam nữ, bên cạnh đó là các chủ đề khác như: chủ đề yêu nước, chống cường quyền, chủ đề về số phận con người,... Một trong những tiêu chí bắt buộc của các tác phẩm thuộc thể này là yếu tố kỳ ảo phải trở thành đối tượng phản ánh của truyện.

1.2. Đặc trưng

1.2.1. Đặc trưng về nội dung

Truyện kỳ là một thể loại giàu giá trị phản ánh hiện thực. Dù thế giới trong truyện kỳ là một thế giới hoang đường, kỳ ảo nhưng đằng sau những yếu tố hoang đường đó là hiện thực lịch sử, xã hội cùng với những số phận con người trong những hoàn cảnh xã hội cụ thể.

Không chỉ giàu giá trị hiện thực, những sáng tác thuộc thể loại truyện kỳ còn đầy giá trị nhân đạo và đậm chất nhân văn. Các tác phẩm truyện kỳ ca ngợi tài năng và phẩm chất tốt đẹp của con người, thể hiện niềm cảm thương sâu sắc của các tác giả với những số phận bất hạnh, từ đó lên tiếng đòi quyền sống, quyền hạnh phúc cho con người bị chà đạp trong xã hội xưa; đồng thời cũng đồng cảm với những khát vọng chân chính của con người như khát vọng khẳng định mình, khát vọng tình yêu, hạnh phúc.

1.2.2. Đặc trưng về nghệ thuật

Không khó để ta nhận ra sự ảnh hưởng của văn học dân gian đến các tác phẩm truyền kỳ. Ta dễ dàng bắt gặp trong những sáng tác truyền kỳ với những câu chuyện mang cốt truyện dân gian hoặc dã sử, các motif quen thuộc trong truyện dân gian. Và có không ít những truyện truyền kỳ vốn là những truyện dân gian được sáng tạo lại.

Đặc trưng nổi bật nhất của thể loại truyền kỳ đó chính là sự hòa quyện giữa yếu tố hiện thực và những yếu tố hoang đường, kỳ ảo. Trong truyện truyền kỳ, thế giới con người và thế giới siêu nhiên có sự tương giao, người đọc có thể phiêu diêu qua nhiều cõi khác nhau. Có thể là cõi tiên mê hoặc lòng người, chốn thủy phủ lộng lẫy, có thể là nơi âm tào địa phủ rùng rợn,... Cùng với không gian huyền ảo, bên cạnh những con người phàm trần là những nhân vật không thuộc về thế giới người như tinh vật, yêu ma, bán yêu, thần tiên,...

1.3. Nhan đề “Truyện kỳ mạn lục”

“*Truyện kỳ mạn lục*” có nghĩa là ghi chép những câu chuyện tản mạn được lưu truyền. Nhan đề cho thấy sự khiêm tốn của tác giả. Bởi lẽ, “Truyện kỳ mạn lục” không chỉ là một bộ sách ghi chép đơn thuần mà thật sự là một sáng tác của Nguyễn Dữ với sự gia công, hư cấu sáng tạo đặc sắc của nhà văn khi viết tác phẩm này dựa trên những truyện được lưu truyền trong nhân dân.

2. Khái quát về văn học dân gian

2.1. Khái niệm

Không có định nghĩa tiêu chuẩn cho loại hình văn học này, vì các nhà văn học dân gian có các mô tả khác nhau cho văn học truyền miệng hoặc văn học dân gian. Một khái niệm rộng gọi nó là những tác phẩm nghệ thuật ngôn từ truyền miệng, sản phẩm của quá trình sáng tác tập thể thể hiện nhận thức, tư tưởng, tình cảm của nhân dân lao động về tự nhiên, xã hội nhằm mục đích phục vụ trực tiếp cho các sinh hoạt khác nhau trong đời sống cộng đồng.

2.2. Phân loại: gồm 12 thể loại.

- Thần thoại.
- Truyền thuyết.
- Truyện cổ tích.
- Truyện cười.
- Truyện ngụ ngôn.
- Ca dao.
- Tục ngữ.
- Câu đố.
- Vè.
- Sử thi dân gian.
- Truyện thơ.
- Trò diễn dân gian và chèo truyền thống.

II. Tương đồng mô hình cốt truyện dân gian và những sáng tạo trong “Truyện kỳ mạn lục”

Xem xét bộ sách “Truyện kỳ mạn lục” của Nguyễn Dữ ta sẽ thấy được rất nhiều dấu ấn văn học dân gian trong từng câu chuyện. Sự ảnh hưởng của văn học dân gian đối với “Truyện kỳ mạn lục” cả về nội dung đề tài lẫn nghệ thuật trên nhiều phương diện khác nhau: xây dựng cốt truyện, kết cấu; xây dựng nhân vật, các loại motif,...

1. Nội dung đề tài

1.1. Khai thác từ truyện cổ tích

Có không ít những sáng tác truyền kỳ là những truyện ngắn được phóng tác, sáng tác lại từ truyện cổ tích dân gian Việt Nam. Chẳng hạn, “Nam Xương nữ tử truyện” (Chuyện người con gái Nam Xương) vốn được viết lại từ truyện Vợ chàng Trương đã được lưu truyền từ lâu trong dân gian. Vũ Thị Thiết lấy chồng là Trương Sinh. Hơn một năm sau ngày cưới, Trương sinh phải đầu quân đi lính, lúc bấy giờ Vũ Nương đang mang thai. Những ngày xa chồng, Vũ Nương thường trở bóng mình trên vách, đùa con bảo rằng đó là cha. Ngày Trương Sinh trở về, vì nghe lời con trẻ mà nghi ngờ vợ mình không chung thủy bèn đánh đuổi đi. Vũ Nương bị oan, phải gieo mình xuống sông tự vẫn để tỏ lòng trong sáng. Sau khi Vũ Nương mất, Trương Sinh mới biết vợ mình bị oan nhưng việc đã muộn rồi. Trên cơ sở cốt truyện đó, thì Nguyễn Dữ đã sáng tạo thêm nhiều chi tiết, đặc biệt thêm một đoạn truyện kể về cuộc sống dưới thủy phủ của Vũ Nương sau khi tự vẫn. Nguyễn Dữ kể thêm: Vũ Nương sau khi nhảy sông Hoàng Giang, Linh Phi thương tình nàng oan ức nên cho nàng sống sung sướng dưới thủy cung. Ở đây, Vũ Nương gặp lại một người cùng làng mình tên là Phan Lang, vì từng cứu mạng Linh Phi nên khi chết đuối được Linh Phi cứu mạng để trả ơn. Vũ Nương nhờ Phan Lang mang chiếc hoa vàng để gửi Trương Sinh cùng lời nhắn Trương Sinh lập đàn giải oan cho mình. Theo lời, Trương Sinh lập đàn giải oan cho Vũ Nương ở bên Hoàng Giang, Vũ Nương hiện về trên kiệu hoa rực rỡ, nói lời từ biệt rồi trở lại thủy cung cùng Linh Phi, không trở về dân gian nữa. Một kết thúc có hậu cho Vũ Nương là kiểu kết thúc phổ biến của truyện cổ tích dân gian, thể hiện quan điểm ở hiền gặp lành, cũng là ước mơ hạnh phúc, công bằng của nhân dân trong một xã hội phong kiến nhiều bất công.

1.2. Khai thác từ truyền thuyết

Một số truyện trong “Truyền kỳ mạn lục” kể về những con người có thật được thờ phụng trong dân gian, với nhiều chi tiết hoang đường, kì ảo, thần bí xung quanh những con người ấy. Ví dụ như “Dạ Xoa bộ soái lục” (Chuyện tướng Dạ Xoa) kể về Văn Dĩ Thành - một người hào hiệp, không sợ quỷ thần, được Diêm Vương phong làm tướng Dạ Xoa, vì tình bạn bè mà giúp Lê Ngô thoát nạn bị chết vì ôn dịch. Đồng thời, Văn Dĩ Thành cũng là nhân vật được dân gian thờ phụng từ lâu, hiện đền thờ của ông đang ở Hà Nội.

2. Nghệ thuật của “Truyền kỳ mạn lục” với sự ảnh hưởng của văn học dân gian

2.1. Cốt truyện, kết cấu truyện

2.1.1. Cốt truyện là gì?

[Tr.324] *Cốt truyện* là “hệ thống sự kiện được tổ chức theo yêu cầu tư tưởng và nghệ thuật nhất định, tạo thành bộ phận cơ bản, quan trọng nhất trong hình thức động của tác phẩm văn học thuộc loại tự sự và kịch.” (Từ điển văn học)

2.1.2. Kết cấu truyện

Phần lớn các truyện ngắn truyền kỳ có kết cấu theo tuyến tính đơn giản, diễn biến truyện được kể theo trình tự thời gian, sự việc nào xảy ra trước kể trước, sự việc nào xảy ra sau kể sau. Đây cũng là kiểu kết cấu của dân gian.

2.1.3. Điểm tương đồng giữa mô hình cốt truyện, kết cấu truyện truyền kỳ và truyện dân gian

Công thức: mở đầu giới thiệu nhân vật – biến cố, phần giữa là những nội dung những sự kiện diễn ra với các mâu thuẫn, xung đột – cuối cùng là kết thúc truyện mâu thuẫn được giải quyết.

Ví dụ truyện cổ tích Tấm Cám, câu chuyện mở đầu bằng việc giới thiệu về gia cảnh, tính cách hai nhân vật. Sau đó là những sự kiện cho thấy sự mâu thuẫn càng

ngày càng sâu sắc giữa Tấm và mẹ con Cám. Cuối cùng Tấm gặp lại vua, trở về cung và trừng trị mẹ con dì ghẻ. Đối chiếu cốt truyện của “Tản Viên từ phán sự lục” (Chuyện chức phán sự đền Tản Viên) thì sau lời giới thiệu về nhân vật Ngô Tử Văn, tác giả đã nêu lên biến cố bắt đầu câu chuyện: bất bình trước việc ngôi đền có tiếng là linh ứng, nay lại có yêu quái quấy nhiễu, Ngô Tử Văn đã đốt đền tà để trừ hại cho dân. Sự việc này kéo theo việc Ngô Tử Văn bị hồn ma Bách hộ họ Thôi đe dọa, Thổ thần nước Việt hiện ra bày cách cho Ngô Tử Văn đối phó với Bách hộ họ Thôi; Ngô Tử Văn bị bắt xuống âm cung vì Bách hộ họ Thôi đã kiện chàng, vu khống chàng với Diêm Vương. Ngô Tử Văn khẳng khái đối chất, sự thật được sáng tỏ và họ Thôi bị trừng trị, Tử Văn được hưởng phần xôi thịt cúng tế của dân làng; kết thúc truyện Tử Văn nhận chức phán sự đền Tản Viên.

Qua ví dụ ta thấy truyện truyền kỳ chưa hoàn toàn thoát khỏi đặc điểm kết cấu loại hình tự sự trung đại dưới sự ảnh hưởng của văn học dân gian. Nhưng tác giả đã phần nào cho thấy thực trạng xã hội đương thời với đầy đủ những mặt tốt xấu của nó và thể hiện được tư tưởng nhân đạo bắt nguồn sâu rộng từ văn học dân gian: ước mơ một xã hội công bằng tốt đẹp, trân trọng những tình cảm, phẩm chất đáng quý của con người, đặc biệt là những con người bình thường trong xã hội phân chia giai cấp nhiều bất công.

2.2. Xây dựng nhân vật

Nhân vật trong các “Truyện kỳ mạn lục” phần lớn có tính cách rõ ràng, được bộc lộ qua ngôn ngữ, hành động của chính nhân vật. Đây là điểm khiến cho truyện kỳ gần với văn học dân gian hơn là văn học hiện đại. Trong truyện, nhân vật là yếu tố quan trọng nhất để bộc lộ tư tưởng của nhà văn. Công thức phổ biến nhất ở “Truyện kỳ mạn lục” là đi học, đi thi, đỗ đạt, làm quan hoặc không làm quan. Đây cũng là công thức ta hay bắt gặp ở trong văn học dân gian. Khác với các tiền nhân đa số sẽ xây dựng nhân vật dựa trên điển tích điển cố (nhân vật trong sử sách

Trung Hoa) thì nhân vật trong “Truyền kỳ mạn lục” đa phần là người Việt Nam, ở lãnh thổ Việt Nam và phong vị nước Nam nồng đậm. Ví dụ trong “Phạm Tử Hư du Thiên tào lục” được cải biên từ truyện “Phạm Tử Hư sự sự truyện” (Lĩnh Nam chích quái) mà thành. Ở Nguyễn Dữ, ông viết hư cấu thêm đoạn Nam Tào bình chọn trạng nguyên, bảng nhãn, thám hoa, hoàng giáp dựa vào những tiêu chuẩn ấy.

Bên cạnh đó các nhân vật còn bước ra từ truyền thuyết dân gian địa phương, được Nguyễn Dữ tái sinh, thêm ngôn từ và tạo tình tiết mới. Sự khẳng định của tác giả về sự kế thừa trong “Tản Viên từ phán sự lục”: “Đến nay, con cháu vẫn còn, người ta truyền là nhà quan Phán sự”. “Hạng Vương từ ký” cũng có nguồn gốc nhân vật sử sách tương tự, quan Thừa chỉ Hồ Tông Thốc, người huyện Thổ Thành, huyện Yên Thành (nay là xã Thọ Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An); vào đời Trần đi sứ nhà Nguyên rồi làm quan đến chức Hàn lâm học sĩ Thâm hình viên sự. Hay những nhân vật xuất phát từ truyền thuyết được Nguyễn Dữ tái sinh lại trong “Truyền kỳ mạn lục” mà đến nay vẫn còn đền thờ như đền thờ Văn Dĩ Thành ở Hà Nội, đền thờ Vũ Thị Thiết ở Hà Nam, đền thờ Nhị Khanh ở Hưng Yên,...

Qua đây ta thấy được Nguyễn Dữ có vay mượn hình tượng nhân vật trong văn học dân gian song lại chú ý khai thác từ truyền thống, đồng thời phát huy cái tài cá nhân để nhào nặn nhân vật hoàn toàn mang tên mình.

2.3. Ngôn ngữ nhân vật trong “Truyền kỳ mạn lục”

2.3.1. Khái niệm

[3, Tr.7] *Ngôn ngữ nhân vật* là “lời nói của một nhân vật cụ thể”. (Từ điển học và Bách khoa thư)

2.3.2. Phân loại

Trong tác phẩm văn học ngôn ngữ nhân vật có hai dạng tồn tại: ngôn ngữ đối thoại và ngôn ngữ độc thoại. Ngôn ngữ đối thoại là lời của nhân vật trực tiếp nói lên

trong tác phẩm. Ngôn ngữ độc thoại (hay còn gọi là độc thoại nội tâm) là những hiện tượng tâm sinh lý, là những suy nghĩ bên trong, những rung động thầm kín không nói thành lời của con người. Đó là ngôn ngữ xuất hiện khi “nhân vật nói một mình” hoặc “nghĩ một mình”, không phải là ngôn ngữ giao tiếp với người khác.

Trong *ngôn ngữ đối thoại*, “Truyện kỳ mạn lục” hình thành 2 dạng lời đối thoại: đối thoại thông thường và đối thoại xung đột. *Đối thoại thông thường* là kiểu một người nói, một người trả lời, biểu hiện quan hệ hòa hợp thân mật giữa người nói và người đáp, chẳng hạn như đoạn thoại trong truyện “Phạm Tử Hư lên chơi Thiên tào”:

“Tử Hư nói:

- Cái cửa họa phúc đã nghe đại khái. Nhưng nay những người học trò thường đến đền Đế quân làm lễ cầu mộng, xin ngài báo ứng cho biết những sự nghiệp về sau. Việc đó có quả thực không?

Trạm cười mà rằng:

- Đấng Đế quân ngài nuốt nhả nguyên khí, chu du tám phương, ngày xét giấy tờ, đêm châu Thượng đế, còn lúc nào rỗi để làm cái việc vụn vặt ấy. Song những người một lòng chay sạch thành kính, thì trong lúc bập bùng, tựa như có thấy. Người đời không hiểu bèn cho là sự thực, thật đáng buồn cười.”

Đối thoại xung đột căng thẳng, gay gắt dẫn đến giải quyết bằng âm mưu hoặc vũ lực giữa các nhân vật tham gia đối thoại. Lời đối thoại này xuất hiện khá nhiều trong “Na Sơn tiều đối lục” (Chuyện đối đáp của người tiều phu ở núi Na):

“Trương nói:

- Sự xuất xử của bậc người hiền lại cố chấp đến như thế ư?

Tiều phu nói:

- Không phải là ta cố chấp. Ta chỉ ghét những kẻ miệng lưỡi bẻo lẻo, đã đâm mình vào trong triều đình, vắn đục, rối loạn lại còn toan kéo người khác để cùng đâm với mình.”

[...]

Khi nghe được lời tâu bày từ thuộc hạ họ Trương, “Hồ Hán Thương cả giận, sai đốt cháy núi...” - nơi ở của người tiều phu.”

Nhìn chung lời đối thoại của nhân vật thường dài, thực hiện đầy đủ mọi quy tắc của lý thuyết tương tác trong đối thoại. Do đối thoại dài nên có cảm giác được chia thành các chương khúc. Thông qua đó, Nguyễn Dữ thể hiện triệt để những khát vọng chung hay lên án tố cáo phê phán. Nhân vật trở thành đối tượng cung cấp thông tin chính cho tư tưởng của tác giả.

Ngôn ngữ độc thoại (hay còn gọi là độc thoại nội tâm) ở trong “Truyền kỳ mạn lục” được Nguyễn Dữ viết rất riêng - mượn thơ ca để giải bày. Nguồn gốc lời thơ vừa có trong dân gian, vừa có thể do ông sưu tầm, chẳng hạn như:

Nỗi nhớ quê hương của Từ Thức xuất hiện khi sống ở cõi tiên lâu ngày:

“Sóng nước bao quanh núi một vùng,

Mộng về quê cũ, lối không thông,

Mây vàng nước biếc thân nương đậu,

Trần giới xa coi ngút mịt mù.”

Lời phát ngôn của nhân vật nói với chính mình đã thể hiện quá trình tâm lý nội tâm, mô phỏng cảm xúc, suy nghĩ của con người trước thời đại, thời đại. Nguyễn Dữ theo cách này vừa thể hiện được suy nghĩ của nhân vật, vừa tuân thủ nguyên tắc sáng tác trung đại.

Như vậy, nhân vật được khắc họa bằng ngôn ngữ tác giả và ngôn ngữ nhân vật. Với ngôn ngữ tác giả, Nguyễn Dữ chủ yếu gửi gắm chính kiến qua lời bình, còn với ngôn ngữ nhân vật, người đọc đã nhận thấy có sự xuất hiện của độc thoại nội tâm qua những vần thơ dân gian.

2.4. Các loại motif

2.4.1. Thuật ngữ

[14, Tr.197] *Motif* là thuật ngữ văn học nhằm chỉ những thành tố, những bộ phận lớn hoặc nhỏ đã được hình thành ổn định bền vững và được sử dụng nhiều lần trong các sáng tác văn học nghệ thuật. (Từ điển thuật ngữ Văn học)

2.4.2. Sử dụng những motif dân gian

a. Motif về sự thụ thai và ra đời thần kỳ

Trong văn học dân gian, motif về sự thụ thai và ra đời kỳ lạ xuất hiện rất nhiều ở các tác phẩm khác nhau như: sao chiếu thẳng xuống giường bà mẹ rồi thụ thai “Ông gác cổng” – Truyện cổ Liễu Đôi, bà mẹ dẫm dấu chân ông Không Lồ rồi có mang trong “Thánh Gióng”, v.v.. Tương tự, trong “Truyện kỳ mạn lục” thì người mẹ thấy sao rơi vào bụng rồi thụ thai trong “Trà đồng giáng đản lục”.

b. Motif nằm mộng được điềm báo

Chi tiết nằm mộng được điềm báo trước một việc gì đó như: báo trước được sống lâu hơn và có con “Trà đồng giáng đản lục”, chiêm bao thấy hai con rắn cắn vào mạng sườn “Đào Thị nghiệp oan ký”. Hiện tượng báo mộng trong truyện kể dân gian nhiều vô số, chẳng hạn “Truyện vị thần ở xứ Đằng Châu” vua Lý Thái Tổ mộng có Thổ địa đến báo về sự bền vững của cơ đồ triều Lý; Hai vị thần Trương Hồng và Trương Hát mộng cho vua Lê Đại Hành trong “Sự tích Trương Hồng, Trương Hát”, v.v..

c. Motif đến/lạc vào thế giới khác (lên cõi tiên, xuống long cung, âm ti, địa phủ,...)

Đến hoặc lạc vào thế giới khác là một dạng motif quen thuộc và hết sức phổ biến ở trong truyện cổ dân gian: Thạch Sanh được mời xuống cung vua Thủy Tề chơi và được tặng cây đàn thần (Thạch Sanh); Từ Thức lạc vào hang động và đến được cõi tiên (Sự tích động Từ Thức); Chàng Ngưu lên trời tìm vợ (Ả Chức chàng Ngưu);... Và motif này đã được Nguyễn Dữ áp dụng rất thành công trong “Truyện kỳ mạn lục” như: “Lý tướng quân truyện”, “Long đình đối tụng lục”, “Từ Thức tiên hôn lục”, “Phạm Tử Hư du Thiên Tào lục”, “Tản viên từ phán sự lục”...

d. Motif kỳ ngộ (cuộc gặp gỡ lạ lùng)

Motif kỳ ngộ là tình tiết gặp gỡ, tiếp xúc giữa người bình thường với thần tiên, ma quỷ hoặc người với người vào những hoàn cảnh, điều kiện đặc biệt, mang đậm tính kỳ ảo. Chính những cái kỳ của những cuộc gặp gỡ đã mang đến sự hấp dẫn và đa dạng của loại motif này. Trong truyện dân gian có cuộc gặp gỡ bất ngờ ở bãi cát ven sông của Chử Đồng Tử và Tiên Dung (Nhất Dạ Trạch), nên duyên nhờ màn hát đối đáp 3 ngày 3 đêm của Nhữ Nương và con trai út Thủy Tề (Vua Bà), v.v.. Ở “Truyện kỳ mạn lục” ta bắt gặp motif này trong “Từ Thức tiên hôn lục”, “Tân viên kỳ ngộ ký”,...

e. Motif về sự hóa thân (thành vật, thành thần, thành tiên,...)

Ví dụ trong “Tấm Cám”, Tấm đã trải qua nhiều lần biến hóa: chim vàng anh, cây xoan, khung cửi, quả thị; trong “Sự tích đá Vọng Phu” người vợ vì đứng đợi chồng đến hóa đá hay “Sự tích Trầu cau” kết thúc bằng cái chết của người anh hóa cây cau, người em hóa tảng đá và người vợ hóa dây leo quấn quanh cây cau; theo đám mây vàng bay lên trời “Ba vị thần ở Tam Bảo châu”,... Trong “Truyện kỳ mạn lục” ta sẽ gặp motif này ở “Khoái Châu nghĩa phụ truyện” trở thành thần để hầu Thượng đế, hóa thành rắn “Đào Thị nghiệp oan ký”, “Tân Viên từ phán sự lục”, “Phạm Tử Hư du Thiên Tào lục”, v.v..

f. Motif thưởng - phạt (nhân - quả)

Hiện tượng nhân - quả thường được mọi người coi là một quy luật trong đời sống. Nguyên tắc chung là “thiện giả thiện báo, ác giả ác báo”; người làm việc thiện sẽ được đền đáp, kẻ gây điều xấu sẽ bị trừng phạt. Chuyện người tốt được hưởng phúc, kẻ xấu bị quả báo vốn là một mô típ rất ổn định trong truyện kể dân gian, nhất là thể loại truyền thuyết, cổ tích: “Người đàn bà hóa thành muối”, người đàn bà phụ bạc chồng đã bị đức Phật biến thành con muối; “Sự tích con khỉ” có vợ chồng nhà giàu tham lam bị thần trừng phạt biến thành con khỉ; Ngọc Hoàng cho Thạch Sanh đầu thai vào nhà hai vợ chồng già hay làm việc nghĩa trong “Thạch Sanh”,.... “Truyện kỳ mạn lục” đã phát triển mô típ này và hoàn thiện theo những cách thức riêng của loại hình, có ở trong “Long Đình đôi tụng lục”, “Tản Viên từ phán sự lục”, “Thúy Tiêu Truyện”.

Tóm lại: ta có thể nhận thấy có thể có rất nhiều motif dân gian trong cùng một truyện. Việc xuất hiện những motif dân gian này trong các sáng tác truyện kỳ một mặt khiến cho thể loại này rất gần gũi, thân thuộc với người đọc, mặt khác, với tài năng sáng tạo của mình thì các tác giả đã dụng công để những motif ấy tuy quen thuộc nhưng vẫn hàm chứa những nội dung ý nghĩa sâu sắc.

C - Phần tổng kết

Văn học, văn hóa dân gian là một trong những nguồn gốc quan trọng nhất của truyện truyền kỳ dân tộc. Ở đây, “Truyện kỳ mạn lục” của Nguyễn Dữ đóng vai trò như chiếc cầu nối giữa văn học dân gian - văn học thành văn và tín ngưỡng dân gian. Như vậy, mối quan hệ giữa tập truyện của Nguyễn Dữ với văn học dân gian và đời sống xã hội rất là mật thiết và đặc biệt, bởi ở đây không chỉ có ảnh hưởng một chiều thường thấy giữa văn học dân gian và nhà văn mà còn thể hiện những ảnh hưởng hết sức rộng lớn từ tác phẩm tới cuộc đời và tâm linh và cũng là một

biểu hiện chứng tỏ những truyện truyền kỳ đầy bi thương của vị nho sĩ ẩn dật đã chạm đến nhân tâm và tác động mạnh mẽ đến đời sống xã hội.

Nguyễn Dữ trong “Truyện kỳ mạn lục” vẫn chịu sự ảnh hưởng của văn học dân gian nhưng mức độ và sắc thái đã có nhiều thành phần khác với những tác giả đi trước ông. Sự tách rời dần khỏi những ảnh hưởng thụ động của văn học dân gian diễn ra song song với quá trình chọn lọc và vay mượn một cách có ý thức chất liệu dân gian có sẵn. Mối quan hệ với văn học dân gian trong “Truyện kỳ mạn lục” diễn ra một cách nhuần nhuyễn, gắn bó và thể hiện rõ tâm thế của một người viết cao tay trong nghề.

Thời đại của Nguyễn Dữ thực sự là thời kỳ nở rộ của văn nghệ dân gian, đặc biệt là nghệ thuật tạo hình. Ông có quan niệm và quan điểm phóng khoáng hơn trong việc phản ánh những câu chuyện tình ái có tính nhục dục trong “Truyện kỳ mạn lục”, tính khách quan của việc mô tả, thái độ có vẻ đồng tình, thông cảm và việc phản ánh nhu cầu và quyền con người trong việc giải phóng tình cảm, tự do luyện ái, sự đấu tranh cho hạnh phúc trần tục, việc hướng đến con người với những khát vọng sống, vượt lên trên những khe khát của lễ giáo phong kiến.

Tóm lại, bộ sách “Truyện kỳ mạn lục” của Nguyễn Dữ vừa có sự tương đồng vừa có sự tiếp nối, phát triển trên nền tảng kiến thức của văn học dân gian. Rõ ràng, “Truyện kỳ mạn lục” đã có bước nhảy vọt mạnh mẽ về thể loại truyện truyền kỳ, rất nhiều học giả tên tuổi đã có những đánh giá cao về tác phẩm này. Lê Quý Đôn trong “Kiến văn tiểu lục” ca ngợi “Truyện kỳ mạn lục” có “văn từ thanh lệ”, Vũ Phương Đề trong “Công dư tiệp ký” gọi đó là “thiên cổ kỳ bút”, còn Phan Huy Chú trong “Lịch triều hiến chương loại chí” đã coi đây là “áng văn hay của bậc đại gia”.

Tài liệu tham khảo:

1. Từ điển học và Bách khoa thư, số 3 (65), 5 - 2020.
2. Vị trí của thể loại truyền kỳ trong tiến trình phát triển của văn học Việt Nam; Trần Nghi Dung.
3. Giáo trình Văn học trung đại Việt Nam tập 1; PGS.TS. Lã Nhâm Thìn (chủ biên), PGS.TS. Đinh Thị Khang - PGS.TS. Vũ Thanh.
4. Văn học Việt Nam thế kỷ X - thế kỷ XIX, những vấn đề lý luận và lịch sử; Trần Ngọc Vương (chủ biên).
5. Từ điển thuật ngữ văn học; [Tr.324] [14, Tr.197].
6. Truyện cổ Việt Nam - Nguyễn Dữ, Truyền kỳ mạn lục.

